

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-12-2020.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và
tranh chấp quyền nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Thạch Thanh Long.

2/. Ông Đặng Thế Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Nhung –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện
Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: ông
Phạm Văn Tính-Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long,
tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2020/TLST-
HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi
con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2020/QĐXXST-HN ngày 30 tháng 11
năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Bùi Thanh V, sinh năm 1979 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của bà V và ông T: Nguyễn Bùi Thanh T, sinh ngày 13/10/2005. Địa
chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thanh V
trình bày:*** Bà và ông T do quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và
có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C vào ngày 10/01/2005, nữ trang ngày
cưới gồm sợi dây chuyền vàng 24kra, 01 đôi bông tai và 01 cặp nhẫn cưới, số nữ trang
này vợ chồng đã bán hết hiện nay không còn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc
đến tháng 8 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống thường xuyên cãi vã, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay không hàn gắn được.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 người con chung tên Nguyễn Bùi Thanh T, sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Bùi Trăm A, sinh ngày 22/8/2016 hiện 02 con đang sống chung với bà V.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng bà.

Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung tên: Nguyễn Bùi Thanh T, sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Bùi Trăm A, sinh ngày 22/8/2016 hiện 02 con đang sống chung với bà V, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con tên T sống với ai người đó nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đối với con tên Trăm A bà yêu cầu được nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con tên Trăm A.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ông Nguyễn Văn T là bị đơn trình bày: ông là chồng của bà Bùi Thanh V, ông hoàn toàn thống nhất lời trình bày của bà V về hôn nhân, nữ trang, con chung, tài sản chung là đúng sự thật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung, vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do vợ chồng bất đồng ý kiến, sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay không hàn gắn được.

Nay về quan hệ hôn nhân ông không đồng ý ly hôn với bà Bùi Thanh V, trường hợp bà V cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý, về con chung tên Nguyễn Bùi Thanh T, sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Bùi Trăm A, sinh ngày 22/8/2016 hiện 02 con đang sống chung với bà V, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của con tên T sống với ai người đó nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đối với con tên Trăm A ông đồng ý cho bà V nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con tên Trăm A, về tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Bùi Thanh T là con của bà V và ông T trình bày: Cháu là con của bà Bùi Thanh V và ông Nguyễn Văn T, cháu học lớp 10, trường phổ thông trung học Nguyễn Đ, hiện tại cháu đang sống với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Bùi Thanh V.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn T vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thanh V là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T là bị đơn, cháu Nguyễn Bùi Thanh T là con của bà V và ông T, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp

hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn ông Nguyễn Văn T chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể ông Nguyễn Văn T không có mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thanh V.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thanh V và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

- Về con chung: bà Bùi Thanh V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bùi Thanh T, sinh ngày 13/10/2005 và cháu Nguyễn Bùi Trăm A, sinh ngày 22/8/2016.

ông Nguyễn Văn T được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc bà Bùi Thanh V có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay bà Bùi Thanh V là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T là bị đơn, cháu Nguyễn Bùi Thanh T là con của bà V và ông T, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Bùi Thanh V và ông Nguyễn Văn T được xác lập vào năm 2005 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C vào ngày 10/01/2005 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa bà V và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà V cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cãi vã, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay không hàn gắn được. Ông T cho rằng vợ chồng bất đồng ý kiến, sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay không hàn gắn được. Nay bà V và ông T đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn; Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung tên: Nguyễn Bùi Thanh T, sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Bùi Trăm A, sinh ngày 22/8/2016 hiện 02 con đang sống chung với bà V, theo lời trình bày của bà V và ông T thống nhất theo nguyện vọng của cháu T sống với ai người đó nuôi dưỡng, mặt khác theo nguyện vọng của cháu T muốn được sống với bà V, đối với cháu Trăm A hiện đang sống với bà V, ông T cũng nhất cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trăm A, từ đó nghĩ nên giao bà V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu Trăm A sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. ông Nguyễn Văn T có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà V chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: bà Bùi Thanh V có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thanh V.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thanh V và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

- Về con chung: bà Bùi Thanh V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bùi Thanh T, sinh ngày 13/10/2005 và cháu Nguyễn Bùi Trầm A, sinh ngày 22/8/2016. ông Nguyễn Văn T được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- **Về án phí:** bà Bùi Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0003576, ngày 28/9/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, bà Bùi Thanh V đã nộp đủ tiền án phí, ông Nguyễn Văn T không phải nộp án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

Lê Thị Trúc Linh